

Truyền thống biên soạn các công trình bách khoa của dân tộc - nền tảng bách khoa toàn thư Việt Nam hiện đại

Nguyễn Huy Bình¹

¹ Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: huybinhvvh@gmail.com

Nhận ngày 20 tháng 11 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 14 tháng 2 năm 2020.

Tóm tắt: Bài viết trình bày khái lược truyền thống biên soạn các công trình bách khoa ở Việt Nam từ khởi nguồn cho đến hết thời kỳ trung đại. Thành tựu của các công trình bách khoa trong lịch sử dân tộc là nền tảng cho bách khoa toàn thư Việt Nam hiện đại: nền tảng tư tưởng; nền tảng quan điểm học thuật; nền tảng phương pháp biên soạn; nền tảng mô hình biên soạn và nền tảng thông tin tri thức.

Từ khóa: Biên soạn, công trình bách khoa, nền tảng bách khoa toàn thư Việt Nam.

Phân loại ngành: Văn hóa học

Abstract: The paper outlines and summarises the tradition of compiling encyclopaedic works in Vietnam since the beginning of the nation until the end of the medieval period. The achievements of the works in the nation's history are the foundations for the modern Vietnamese encyclopaedia: ideological foundation; and foundations for the academic viewpoints, the compilation method, the compilation model; and the knowledge and information foundation.

Keywords: Compilation, encyclopaedic works, foundation of the Vietnamese encyclopaedia.

Subject classification: Cultural studies

1. Mở đầu

Hiện nay, ở nước ta đang hình thành một nền bách khoa toàn thư hiện đại, việc tiếp thu cả về lí luận và thực tiễn biên soạn bách

khoa thư trên thế giới là một tất yếu khách quan. Tuy nhiên, chúng ta không thể bỏ qua những công trình mang tính bách khoa thư trong lịch sử dân tộc, các công trình biên soạn của những soạn giả tên tuổi như

Nguyễn Trãi, Dương Văn An, Phan Huy Chú và đặc biệt là Lê Quý Đôn đã đạt được những thành tựu to lớn cho nền bách khoa thư Việt Nam. Trên thực tế, những công trình bách khoa của dân tộc không chỉ cung cấp thông tin tri thức, tư liệu, mà còn để lại cả những quan điểm học thuật, tư tưởng chính trị, phương pháp, mô hình biên soạn... Đó là những bài học kinh nghiệm cho việc tiến hành biên soạn công trình bách khoa toàn thư Việt Nam hiện đại. Bài viết phân tích, làm rõ giá trị và ý nghĩa của các công trình bách khoa trong lịch sử dân tộc - nền tảng bách khoa toàn thư Việt Nam hiện đại.

2. Truyền thống biên soạn các công trình bách khoa của dân tộc

Hầu hết các nhà nghiên cứu cổ văn nước ta đều “trúng khẩu đồng từ” rằng, ở Việt Nam đã từng có các công trình mang tính chất bách khoa thư. Các công trình này mặc dù chưa đạt được đầy đủ tiêu chí bách khoa thư hiện đại, nhưng nó chứa đựng những vấn đề cơ bản của bách khoa thư. Nhà nghiên cứu Nguyễn Kim Thản đã nhận xét: “Nước ta từ lâu đã có những công trình bách khoa thư chuyên ngành biên soạn theo mô hình đặc biệt của phương Đông... Trong những bộ bách khoa thư còn lại, nổi tiếng hơn cả là *Vân đài loại ngữ*, *Kiến văn tiểu lục*, *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn và sau đó là *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú. So với bách khoa thư ngày nay hoặc với bách khoa thư của người đồng thời với Lê Quý Đôn là *Điđorô* thì những bộ bách khoa thư này còn quá đơn giản. Song với quan điểm lịch sử và cụ thể thì ta sẽ thấy rằng đó là những cố gắng

lớn lao của các nhà khoa học trước đây của dân tộc, là sự tự khẳng định mạnh mẽ không những về chính trị mà cả về văn hóa, khoa học của dân tộc ta” [6, tr.723]. Các công trình bách khoa lớn của dân tộc đều có nội dung đa dạng, được ghi chép có hệ thống theo các chủ đề về địa lí, lịch sử và văn hóa ở địa phương qua từng thời kỳ lịch sử.

Nhìn từ lịch sử biên soạn các công trình bách khoa, vào thời nhà Trần, cuốn *An Nam chí lược* (1333) của Lê Tắc đã ghi chép nhiều sự kiện lịch sử, chiến tranh, ngoại giao, các triều vua của nước ta; các công trình của Lê Văn Hưu như: *Đại Việt sử ký*, *Di cáo địa lý*... đã ghi chép lại lịch sử, địa lí của dân tộc; các công trình của Chu Văn An như: *Quốc ngữ thi tập*, *Tiêu Ân thi tập*, *Tứ thư huyết ước*... đã cung cấp các thông tin tri thức về văn hóa, giáo dục; các công trình của Tuệ Tĩnh như: *Hồng nghĩa giác tư y thư*, *Nam dược thần hiệu*... cung cấp thông tin tri thức về y học...

Thời nhà Lê, Nguyễn Trãi có các công trình tiêu biểu như: *Dư địa chí*, *Lam Sơn thực lục*... đã ghi chép về địa lí, văn hóa nước ta; nhà bác học Lê Quý Đôn đã dày công biên soạn một số công trình bách khoa có tầm vóc lớn, tiêu biểu như: *Kiến văn tiểu lục* đã ghi chép và lưu giữ các thông tin tri thức một cách hệ thống; *Vân đài loại ngữ* được đánh giá là bộ sách bách khoa của Việt Nam; *Phủ biên tạp lục* đã ghi chép về Đàng Trong, đặc biệt là xứ Thuận và xứ Quảng từ thế kỉ XVIII trở về trước; cuốn *Bản đồ Hồng Đức* được hoàn thành vào thời Lê Thánh Tông đã điều tra đã xác định được các vùng lãnh thổ và cương giới thuộc một quốc gia thống nhất; Ngô Sĩ Liên có công trình tiêu biểu là *Đại Việt sử ký toàn thư* viết về lịch sử dân tộc; Thân Nhân Trung có các công trình như: *Thiên Nam*

du hạ tập, Thân chinh ký sự... đã đề cập đến vấn đề địa lí và văn hóa...

Vào thời nhà Mạc, tác giả Dương Văn An (1527-1595) biên soạn cuốn *Ô châu cận lục*, công trình này đã đề cập đến núi, sông, cửa biển, hang động, ao hồ, hải sản, chim muông, côn trùng, thành quách, cửa ải, chợ búa, người trung nghĩa, thân vương, phi tần, tiết phụ...

Đến thời nhà Nguyễn, các công trình bách khoa đã xuất hiện phổ biến, Phan Huy Chú có một số công trình tiêu biểu như *Lịch triều hiến chương loại chí* chia làm 10 bộ môn và tương ứng với 10 loại chí. Đây là một bộ sách bách khoa đồ sộ, có giá trị trên nhiều phương diện; công trình *Hoàng Việt dư địa chí* cũng của Phan Huy Chú là một trong những công trình bao quát phạm vi nhiều mặt của quốc gia. Một công trình bách khoa lớn dưới triều Nguyễn là *Đại Nam nhất thống chí* do Quốc Sử quán biên soạn. Sách đã khảo tả, ghi chép về từng vùng miền của nước ta theo các chuyên ngành. Đây là công trình vừa mang tính tổng hợp vừa mang tính chuyên sâu, nó góp phần cung cấp một bức tranh toàn cảnh về các vùng đất của tổ quốc; sách *Đồng Khánh dư địa chí* được hoàn thành dưới thời Đồng Khánh (1886-1887); *Đại Việt địa dư toàn biên* do Nguyễn Văn Siêu và Bùi Ngọc Quỹ biên soạn, sách có giá trị lớn trong việc khảo về địa lý Việt Nam, sự thay đổi về bờ cõi, châu quận ở nước ta mấy nghìn năm thời Bắc thuộc, từ nhà Đinh đến nhà Lê, từ Nguyễn Gia Long đến Tự Đức 18 (năm 1855); sách *Gia Định thành thông chí* là công trình do Trịnh Hoài Đức biên soạn, gồm 6 quyển viết về địa lý, cương vực, phong tục, vật sản, thành trì...

Việt Nam đã hình thành một lịch sử biên soạn các công trình bách khoa từ thời kì

trung đại cho đến ngày nay. Bên cạnh các công trình có quy mô lớn, còn có thể kể đến các công trình khác có chuyên đề hẹp hơn, quy mô nhỏ hơn. Về thể chế chính trị - pháp luật có *Quốc triều chính điển* của Bùi Huy Bích (1744-1818); về nhân vật có *Danh thần lục* của Lê Quý Đôn, *Nhân vật chí* (tác giả vô danh), *Lê triều lịch khoa tiến sĩ đề danh bị kí* của Lê Cao Lãng, *Đại Việt lịch triều đăng khoa bị khảo* của Phan Huy Ôn (1755-1786), *Quốc triều hương khoa lục* (1842-1923), *Quốc triều khoa bảng lục* của Cao Xuân Dục; về địa phương có *Cao Bằng lục* của Phan Lê Phiên (1734-1809), *Hải Dương chí lược* của Ngô Thì Nhậm (1746-1803); về thực vật học có *Nam bang thảo mộc* của Trần Trọng Bình, Trần Văn Cận (1858-1938); công trình có tính tổng hợp có *Công dư tiếp kí* của Vũ Phương Đề (1697-?), *Nam phương danh vật bị khảo* của Đặng Xuân Bảng (1827-?) [6, tr.712]. Các công trình bách khoa của dân tộc xuất phát từ việc ghi chép sự vật hiện tượng của các vùng miền, địa phương một cách khách quan, cô đọng nhằm phác hoạ một bức tranh toàn diện về những không gian địa lý mà người biên soạn quan tâm. Các công trình này vừa là sản phẩm văn hoá, vừa là phương tiện lưu giữ văn hoá, đã trở thành đối tượng nghiên cứu khoa học, mang đến nhận thức một cách sâu sắc về các vùng miền và địa phương.

Quá trình hình thành và phát triển các công trình bách khoa của dân tộc cho thấy, giai đoạn từ thời kỳ trung đại đến hết thế kỉ XIX ở nước ta có thể coi là thời kỳ xuất hiện, hình thành và hoàn thiện của loại sách bách khoa với rất nhiều công trình lớn. Đặc biệt, đến giai đoạn vương triều nhà Nguyễn, việc biên soạn sách bách khoa đã có bước phát triển mạnh mẽ, ý thức đề cao công việc

ghi chép về các hoạt động của Nhà nước cũng như hoạt động của những vùng miền trên cả nước được tổ chức bài bản và chuyên nghiệp. Đến nay, các hoạt động biên soạn sách bách khoa khác nhiều so với thời phong kiến, các nhà biên soạn không chỉ dựa trên sự khảo tả, ghi chép mà còn dựa trên thành tựu nghiên cứu khoa học liên ngành, đa ngành. Tuy nhiên, việc tiếp thu tinh hoa truyền thống qua các công trình bách khoa của các bậc tiền nhân là yếu tố quan trọng, làm nền tảng cho nền bách khoa toàn thư Việt Nam hiện đại.

3. Nền tảng tư tưởng và quan điểm học thuật

Nhìn từ góc độ tư tưởng và quan điểm học thuật, các công trình bách khoa của nước ta đều dựa trên một nền tảng cơ sở lý luận và thực tiễn, hầu hết các công trình đều có lời tựa, lời giới thiệu nhằm giới thuyết mục đích, chức năng, nhiệm vụ của việc biên soạn. Mỗi nhóm biên soạn hoặc mỗi soạn giả lại có quan điểm riêng, điều đó đã thể hiện tính đa dạng và thống nhất của các công trình bách khoa.

Tác giả Dương Văn An quan niệm về việc ghi chép và biên soạn sách như sau: “Ngoài chuyện giờ sách xem chơi có thể nhân đó gợi ý mà suy nghĩ rộng ra, thấy núi sông xinh đẹp thì biết được ở đấy đất thiêng người giỏi; thấy sản vật ở đấy tươi tốt thì biết được ở đấy của quý người hay, lòng người chất phác chăng? Kiêu bạc chăng? Kiêu bạc thì làm sao trở lại chất phác? Phong tục thuần hậu chăng? Đon bạc thì làm sao mà trở lại thuần hậu? Là con nhà thế gia vọng tộc ư? Thì phải nghĩ tới công lao vất vả của ông cha mà chớ để cơ nghiệp tổ tiên sụp đổ; là kẻ nghèo hèn đói rách ư?

Thì phải biết mình không phải dòng quan văn quan võ để rồi thường xuyên tự khích lệ mình gắng tới. Bề tôi thì phải làm hết chức phận, chớ đi theo gót kẻ thù ác” [4, t.3, tr.19-20]. *Bài tựa* này không chỉ cho ta thấy được một quan niệm về việc biên soạn sách địa chí mà còn thể hiện được tư tưởng học thuật, tư tưởng về chính trị và suy nghĩ giàu tính nhân văn về cuộc sống của soạn giả.

Năm 1776, Lê Quý Đôn giữ chức Hiệp trấn tham tán quân cơ ở Thuận Hóa, trong sáu tháng làm quan ở đây, ông đã ghi chép lại tất cả những điều mắt thấy tai nghe, và tập bút ký được ông đặt tên là *Phủ biên tạp lục* đã ra đời. Trong lời tựa sách *Phủ biên tạp lục*, Lê Quý Đôn viết: “Kỳ gian tôi nhân đi dạo núi sông, hỏi di tích, xét xem lệ cũ, tìm kiếm nhân tài, tùy bút chép ra thành quyển gọi tên là *Phủ biên tạp lục*, đó chỉ là vết móng chim hồng tằm ghi nhớ việc bấy giờ thôi. Nhưng các bậc quân tử tại triều, có xét sự tích cõi Nam, muốn không ra khỏi sân mà biết việc ngoài nghìn dặm, thì tập này cũng có thể xem qua một lượt vậy” [4, t.1, tr.15]. Có thể nói, *Phủ biên tạp lục* là công trình quan trọng ghi chép tỉ mỉ về tình hình xã hội đương thời từ thế kỉ XVIII trở về trước. Lê Quý Đôn đã đứng trên lập trường đối địch với chúa Nguyễn ở đương thời mà viết công trình này. *Phủ biên tạp lục* của ông, vì vậy, đã phản ánh được tình hình thái độ của xã hội đương thời hồi đầu thế kỉ XVIII. Đó cũng là một trong những lý do khiến cho vua quan nhà Nguyễn không ưa gì Lê Quý Đôn, và đánh giá thấp sự nghiệp của ông [4, t.3, tr.315]. Công trình *Phủ biên tạp lục* không chỉ thể hiện quan niệm về việc sưu tầm, ghi chép, biên soạn công trình với tư cách là một pho sách, ở đây còn biểu hiện rõ quan điểm, tư tưởng chính trị của nhà bác học Lê Quý Đôn.

Công trình *Lịch triều hiến chương loại chí* không chỉ là bộ sách có giá trị về mặt tư liệu mà còn để lại quan điểm học thuật đáng trân trọng của ông. Điều đặc biệt đáng chú ý *Lịch triều hiến chương loại chí* là bộ sách hết sức tiến bộ về mặt tư tưởng, cụ thể và lý thú nhất là phương diện chế độ ruộng đất nước Việt Nam [4, t.2, tr.17]. Nhìn nhận công trình này từ hệ thống tư liệu đến phương pháp phân chia chương mục cho thấy, đây là công trình không chỉ có giá trị về mặt học thuật mà còn có giá trị về tư tưởng và tinh thần yêu nước của Lê Quý Đôn.

Trong lời tựa của sách *Đại Việt địa dư toàn biên* lần xuất bản đầu tiên, Nguyễn Trọng Hợp đã nói về công tác làm ra loại sách địa chí, nói lên sự khó khăn cho những người muốn tìm hiểu, khảo cổ về nước Việt ta bởi sự thiếu sót của sách vở biên chép, các thư chuyện thì phân tán, chưa có hệ thống. Nguyễn Trọng Hợp cũng khẳng định, địa chí thuộc về sách sử, không phải là người tài cao biết rộng thì không làm được; ông nhận xét về cuốn sách *Đại Việt địa dư toàn biên* là chất mà đúng, ước mà đủ, những điều khảo cứu đều có trắc kiến, mục đích công bố cuốn sách này rộng rãi là mong muốn để mọi người và cho đời sau khi đọc cuốn sách sẽ biết được về cương vực bờ cõi đã có sự thay đổi rất nhiều từ trước hơn 2.000 năm cho đến lúc biên soạn.

Như vậy, việc biên soạn các công trình bách khoa của các bậc tiền nhân không chỉ đơn thuần là việc ghi chép, hệ thống hóa lại các thông tin tri thức của vùng miền, địa phương và quốc gia trong một giai đoạn lịch sử nhất định, mà ở đó còn thể hiện rõ về tư tưởng chính trị và quan niệm học thuật. Trong số hàng trăm các công trình bách khoa lớn nhỏ trong lịch sử dân tộc, từ thời phong kiến cho đến thời Pháp thuộc và

những năm gần đây, mỗi công trình đều thể hiện quan điểm học thuật, đó là ý niệm của người khảo sát, biên soạn đối với các công trình được thực hiện. Cho đến nay, việc biên soạn các công trình bách khoa ở Việt Nam đã có nhiều thay đổi, các vấn đề đặt ra dựa trên các thành tựu khoa học, các thông tin tri thức được sử dụng biên soạn được kiểm chứng qua sự tìm hiểu, nghiên cứu; qua các số liệu được thống kê, phân loại một cách bài bản. Tuy nhiên, nền tảng tư tưởng và quan niệm học thuật căn cốt trong các công trình bách khoa của dân tộc đã trở thành hệ quy chiếu cho việc biên soạn bách khoa toàn thư Việt Nam hiện đại.

4. Nền tảng về phương pháp và mô hình biên soạn

Về phương pháp biên soạn, mỗi công trình bách khoa của dân tộc đã thể hiện khả năng tư duy, lối sắp xếp, hệ thống hóa thông tin tri thức của các soạn giả. Công trình *Dư địa chí* đã được Nguyễn Trãi viết theo đúng phép chính danh của *Vũ Cống*, tức là dùng ít chữ, mà từng chữ phải được lựa chọn, cân nhắc. Viết theo ghi chép thực tế, mà không ngụ ý khen chê. Về bố cục, sách có phần giới thiệu chung về Đại Việt lúc đương thời, tiếp đó giới thiệu về đơn vị hành chính, quốc hiệu, quốc đồ, nhân khẩu của nước ta qua các triều đại. Sách ghi chép về 15 đạo thời Lê Sơ, thông thường việc ghi chép về mỗi đạo này lại có hai phần: phần trước là chép về các sông, núi đặc biệt của đạo đó; phần sau là phần ghi chép về diện cách địa lý, vị trí, cương vực địa giới, số đơn vị hành chính như: phủ, huyện, châu, rồi mới đến ghi chép về đất đai thổ nhưỡng, sản vật địa phương, phong tục tập quán,

rời tính cách khí chất, con người nơi đó. Cuối cùng là ghi chép về các đồ tiến cống, nộp tô thuế cho vua [4, t.2, tr.15]. Có thể nói, Nguyễn Trãi đã có phương pháp hệ thống thông tin tri thức một cách bài bản, phù hợp và hiệu quả với đối tượng biên soạn.

Nội dung *Ô châu cận lục* đáp ứng khá đầy đủ về những tiêu chí của một bộ dư địa chí và nó mang dáng dấp của một cuốn bách khoa thư địa phương. Trong tác phẩm này, tác giả trình bày các vấn đề theo từng phần, mục; mỗi mục lại được triển khai một cách có hệ thống, chứa đựng được những yêu cầu về cấu trúc của một quyển bách khoa thư. Mặc dù việc biên khảo diễn ra cách đây nhiều thế kỷ, trong điều kiện hạn chế thông tin và phương pháp ứng dụng, nhưng Dương Văn An đã xử lý, hiệu đính và biên soạn nội dung bộ sách hết sức công phu, phản ánh một cách khá toàn diện môi trường sống và những vấn đề văn hóa nhân sinh của vùng đất Thuận - Quảng. Chính vì thế, từ khi công trình *Ô châu cận lục* của Dương Văn An được khắc in, bản chép tay của ông đã được lưu truyền và trở thành nguồn tài liệu quan trọng trong chính sử và các công trình biên khảo của đời sau. Nhà bác học Lê Quý Đôn trong khi viết *Phủ biên tạp lục*, nhà sử học Phan Huy Chú khi viết *Lịch triều hiến chương loại chí* đã tham khảo và sử dụng một số tư liệu thực địa trong *Ô châu cận lục*. Quốc sử quán triều Nguyễn cũng đã lấy nhiều đoạn trong nội dung của sách này để đưa vào bộ *Đại Nam thực lục*.

Ở công trình *Vân đài loại ngữ* của Lê Quý Đôn, ta có thể nhìn nhận thấy những đặc điểm về phương pháp biên soạn hết sức độc đáo, Nguyễn Kim Thân nhận xét rằng: “Việc hệ thống hóa các tri thức của người xưa và đương thời (tham khảo trên 600 tên

sách), có định hướng và có phát biểu ý kiến riêng của mình; có giới thiệu những ý kiến khác nhau khi có những vấn đề chưa giải quyết về mặt lý luận; có phản ánh những kiến thức mới nhất của thời đại mà ông thường gọi là “Tây dương”; luôn luôn liên hệ với những sự vật, sự việc ở Việt Nam. Với những đặc điểm về nội dung cũng như về phương pháp như trên, *Vân đài loại ngữ* xứng đáng được gọi, không những là một bộ bách khoa toàn thư, mà còn phải gọi thêm là *Bách khoa toàn thư Việt Nam*” [6, tr.709]. Công trình *Vân đài loại ngữ* đã vận dụng được những phương pháp khoa học phù hợp trong việc hệ thống hóa tri thức, góp phần mang đến sự thành công về mặt nội dung phản ánh, sự cân đối hài hòa về bố cục, hình thức.

Đối với công trình *Lịch triều hiến chương loại chí* do Phan Huy Chú biên soạn, ngoài việc hệ thống hóa các tri thức đương thời của dân tộc về các phương diện cơ bản, còn trình bày phương pháp biên soạn, nhất là nói rõ lý do của trình tự sắp xếp các môn loại. Bộ sách này cung cấp những tri thức lịch sử về các thể chế chính trị, pháp luật, văn hóa, kinh tế, nhân tài, ngoại giao của nước ta từ đời Lý đến đời Hậu Lê [6, tr.711]. *Lịch triều hiến chương loại chí* thể hiện sự bao quát tư liệu tốt của soạn giả, sách đã để lại cho hậu thế bài học lớn về phương pháp biên soạn sách bách khoa.

Nói về phương pháp và quan điểm biên soạn các công trình địa chí, soạn giả Ngô Vi Liễn khi triển khai biên soạn *Địa dư huyện Cẩm Giàng* đã cho rằng: phải yết ra những mục vị trí, diện tích, sông ngòi, dân số, thôn giáp, canh phòng, thuế ngạch, canh nông, kỹ nghệ, thương mại, đê đường, cầu cống, việc học, việc hộ sinh, danh lam

thắng cảnh, danh nhân, phong dao tục ngữ, đình chùa, sự tích thần cùng câu đối hoành phi. Sức về các xã, cứ những mục ấy lấy sự thực mà trả lời. Tôi xem xét lại cẩn thận, mục nào khai đúng thì để, mục nào khai sai thì để là sai lầm hay không rõ thì đính chính lại, mục nào hoang đường thì bỏ đi. Những câu đối hoành phi, câu nào có ý nghĩa hay là sự ích lợi về lịch sử thì mới chép. Rồi lại, nhân những lúc đi kinh lý xét hỏi thêm và tra cứu các sách khác bổ vào, thành quyển *Địa dư huyện Cẩm Giàng* này [4, t.1, tr.59]... Việc tiến hành biên soạn các công trình địa chí theo quan điểm của Ngô Vi Liên là hệ thống hóa thông tin tri thức theo các mục và thực hiện áp dụng các phương pháp quan sát thực địa để đi đến đích cuối cùng là hệ thống hóa thông tin tri thức một cách toàn diện nhất.

Như vậy, xuất phát từ đối tượng của các công trình bách khoa là địa phương và chuyên ngành cụ thể, các soạn giả đã áp dụng các phương pháp như khảo sát thực địa, phương pháp này thiên về khảo sát các sự vật hiện tượng của địa phương; phương pháp liên ngành đã giúp cho người biên soạn được phép nhìn nhận vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau như: kinh tế, chính trị, văn hóa, tự nhiên, xã hội... Một phương pháp sử dụng phổ biến trong việc biên soạn các công trình bách khoa là phương pháp so sánh, giúp người biên soạn chỉ ra được những nét tương đồng và khác biệt của các sự vật, hiện tượng. Ngoài ra, trong khi thực hiện một công trình bách khoa, các soạn giả còn thường xuyên sử dụng một số phương pháp, như: thống kê, phân loại, tổng hợp... Việc áp dụng các phương pháp một cách phù hợp và linh hoạt đã tạo nên sự thành công của các công trình bách khoa.

Về mô hình biên soạn các công trình bách khoa, nhìn một cách tổng thể, các soạn giả nước ta đã tiến hành theo hai mô hình cơ bản: (1) mô hình biên soạn bách khoa theo không gian địa lý hành chính (địa phương), tiêu biểu như *Đại nam nhất thống chí* (công trình này không chỉ phân chia theo các vùng đất và địa giới cấp tỉnh, thành từ Kinh sư cho đến cực nam mà công trình này cũng đề cập một cách khái quát đến tình hình các nước, như Cao Miên, Xiêm La, Miến Điện, Nam Chường, Vạn Tượng). Công trình *Hoàng Việt dư địa chí* do Phan Huy Chú biên soạn vào thời Minh Mạng (1820-1840), gồm có hai phần, phần thứ nhất nói về lịch sử và diện tích; phần thứ hai nói về từng địa phương như: Thanh Hóa, Nghệ An, Sơn Nam, Kinh Bắc, Sơn Tây, Hải Dương, Yên Quảng, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Cao Bằng, Bình Thuận, Hà Tiên, Gia Định, Định Viễn. Công trình *Đồng Khánh dư địa chí* ghi chép về các tỉnh như: Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Quảng Yên, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Sơn Tây, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị... Trong mỗi mục viết về địa phương, các soạn giả lại có sự ghi chép về các vấn đề địa lý, lịch sử, văn hóa... Có thể nói, đây là mô hình bách khoa trình bày theo phạm vi được đề cập; (2) mô hình biên soạn bách khoa theo chuyên ngành, tiêu biểu như: *An Nam chí lược* gồm có 20 quyển, có thể chia làm 3 phần: Phần 1 từ mục 1 đến mục 14, viết về địa lý hành chính và địa lý lịch sử; Phần 2 khái quát vị trí của toàn quốc, đơn vị hành chính, nhân khẩu, quốc hiệu, quốc đồ qua các thời đại; Phần 3 từ mục 46 đến 54, viết về tình hình dân cư và dân tộc. *Ô Châu cận lục* là công trình do Dương Văn An biên soạn, sách

gồm các quyển sau: quyển 1 gồm hai mục là núi lớn và sông lớn; quyển 2 gồm 3 mục lớn: các thứ thuế, sản vật, tổng luận về cây cối; quyển 3 gồm 3 mục lớn: bản đồ, địa lý, tổng luận về phong tục; quyển 4 chỉ có một mục lớn là thành thị; quyển 5 gồm 2 mục lớn: đền chùa - danh lam; quyển 6 gồm 4 mục lớn: quan chế, nhân vật môn, khoa mục, sĩ quan môn. *Phủ biên tạp lục* là tập bút kí của Lê Quý Đôn về Đàng Trong. Bộ sách hiện còn tổng cộng 6 quyển, bao gồm: quyển 1 khái quát về sự tích khai mở, xây dựng và khôi phục hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam. Tên các phủ, huyện, tổng, xã, thôn, trang, trại ở hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam; quyển 2 đề cập đến hình thế núi sông, thành lũy, trị sở, đường sá, trạm dịch ở hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam; quyển 3 ghi lại tri thức về công tư điền trang, bãi đất và tổng số trưng thu lúa gạo theo lệ cũ ở hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam. Lệ cũ về các ti, quan thuộc chức và thủ binh sĩ ở hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam; sổ ngạch nhân đinh, các hạng duyệt tuyển, các hạng giảm tuyển và lệ cũ về tổng số phân bổ quân hiệu thuộc hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam; quyển 4 ghi lại lệ thuế đầu nguồn, tuần ti, ao đầm, sông bến, thuế chợ và thuế chuyên chở vàng, bạc, đồng, sắt; quyển 5 nói về nhân tài và thơ văn; quyển 6 nói về sản vật và phong tục tập quán. *Kiến văn tiểu lục* là công trình do Lê Quý Đôn biên soạn gồm 12 phần như sau: phần 1 là châm cảnh; phần 2 là thể lệ thượng; phần 3 là thể lệ hạ; phần 4 là thiên chương; phần 5 là tài phẩm; phần 6 là phong vực; phần 7 là phong vực trung; phần 8 là phong vực hạ; phần 9 là thiên dật; phần 10 là linh tích; phần 11 là phương thuật; phần 12 là tưng đà. *Vân đài loại ngữ* là một công trình lớn của Lê Quý Đôn, được đánh giá là bộ sách bách khoa

của Việt Nam. Sách gồm 9 quyển, được phân bố như sau: quyển 1: Lý khí (Vũ trụ luận); quyển 2: Hình tượng (Vũ trụ học); quyển 3: Khu vũ (Địa lý học gồm 93 điều); quyển 4: Vụng điền (Điền lệ, Chế độ gồm 120 điều); quyển 5: Văn nghệ (48 điều); quyển 6: Âm tự (ngôn từ gồm 111 điều); quyển 7: Thư tịch (107 điều); quyển 8: Sĩ quy (phép làm quan gồm 76 điều); quyển 9: Phẩm vật (gồm 320 điều). Ngoài ra còn có thể kể đến *Gia Định thành thông chí* do Trịnh Hoài Đức biên soạn; *Đại Việt địa dư toàn biên* do Phương Đình Nguyễn Văn Siêu và Bùi Ngọc Quỹ biên soạn bằng chữ Hán... đã ghi chép và biên soạn các thông tin tri thức theo chuyên ngành trên các địa bàn khác nhau. Đây là loại công trình bách khoa có mô hình cấu trúc theo nội dung.

5. Nền tảng thông tin tri thức

Trên thực tế, mỗi công trình bách khoa lại có những giá trị, thành tựu riêng, điều đó phụ thuộc vào quy mô, quan điểm tư tưởng học thuật, phương pháp trình bày... Tuy nhiên, về mặt nội dung, các công trình bách khoa của dân tộc đã cung cấp một khối lượng tư liệu lớn về địa lí, lịch sử, văn hoá, xã hội, con người... làm cho hiện thực của đất nước được tái hiện qua ghi chép khá cụ thể.

Công trình *An Nam chí lược* được thu chép trong *Tứ khố Toàn thư* của triều Cao Tông nhà Thanh, niên hiệu Càn Long (1736-1795). Sách này đã được nhiều người đề tựa, được các nhà sử học, địa lý học, văn hóa học xưa nay dẫn dụng. Đây là sách có giá trị lớn đối với các ngành khoa học xã hội nhân văn. Về mặt địa lý học lịch sử, sách cung cấp tên các địa danh cổ, sinh hoạt của nhân dân thời Trần và trước thời Trần,

cho biết bối cảnh xã hội Việt Nam đương thời được ghi ở quyển 1. Về mặt ngoại giao, sách cung cấp các thông tin về quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc từ thời Trần về trước, được ghi chép tỉ mỉ trong các quyển 1, 3, 5, 6. Về mặt quân sự ghi chép trong quyển 4 đã nói rõ kế hoạch xâm lược nước ta của nhà Nguyên, các thông tin cụ thể chỉ rõ nguyên nhân thất bại của quân Nguyên; về mặt kinh tế, sách đã ghi chép tri thức về sản vật trong quyển 15, các thông tin cho thấy nước ta có vị trí rất quan trọng trên đường mậu dịch từ Tây sang Đông và ngược lại như là “trạm sở” trên tuyến buôn bán thịnh đạt ấy [4, t.1, tr.65]. Có thể nói, đây là một công trình mang tính tổng hợp, cung cấp thông tin tri thức trên nhiều lĩnh vực khác nhau về đất nước ta trong giai đoạn nhà Trần trị vì.

Công trình *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi được coi là một pho sách đất nước học, phản ánh sinh động, đầy đủ, sâu sắc về đất nước và con người. *Dư địa chí* chứa đựng và cung cấp cho bạn đọc vốn tri thức bách khoa đa ngành, liên ngành: địa lý, lịch sử, chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa, xã hội, danh nhân, cư dân, phong tục tập quán, nghi lễ, tôn giáo, quân sự, an ninh [4, t.1, tr.13]. Đây là công trình bách khoa lớn của dân tộc, cung cấp thông tin tri thức rộng lớn trên phạm vi toàn quốc, phản ánh được tiến trình lịch sử của dân tộc ta.

Công trình *Ô châu cận lục* của soạn giả Dương Văn An đã khảo cứu tận ngọn nguồn vùng Ô châu từ đời nhà Hồ, nhà Lê trở đi (nơi về sau triều đình đặt thành quận, huyện). Trong phần Tổng luận của sách có đoạn viết: “Xét châu Ô, Lý ta nối liền ở phương Nam, sản vật giàu có phong phú, nhiều không thể kể đủ ra từng thứ, chỉ nói một thứ lạ nhất trong những thứ lạ thì như

hương trầm thủy hạng nhất trần gian, như quả hồ tiêu độc tôn thiên hạ. Sách Cận lục khi bàn về nhân vật địa phương này mà cứ bắt nguồn từ những sản vật ấy, là ý nói cái tinh túy linh thiêng của linh khí vờn bay khắp vũ trụ, nhỏ thì tiết ra thành muôn vật, lớn thì tiết ra thành nhân tài, những vật ấy thì quý giá, mà người ấy thì tài giỏi...” [4, t.3, tr.94]. Sách đã phản ánh được hiện thực của vùng đất Ô châu trên các phương diện tự nhiên, xã hội.

Nhà bác học Lê Quý Đôn đã để lại nhiều công trình bách khoa tiêu biểu của nước ta, công trình *Phủ biên tạp lục* đã cung cấp rất nhiều tài liệu cụ thể và tỉ mỉ về chế độ ruộng đất, chế độ thuế khóa, chế độ trung bình, binh chế của xã hội đảng Trong từ thế kỉ XVIII trở về trước. Quyển thứ IV của *Phủ biên tạp lục* cung cấp những tài liệu khá tường tận về thuế đầu nguồn, tuần ty, đầm hồ, chợ đò, thuế vàng bạc, đồng sắt và lệ vận tải ở hai xứ Thuận Hóa và Quảng Nam hồi thế kỉ thứ XVIII. Những tài liệu ấy một mặt cho chúng ta thấy rằng, xứ Thuận và xứ Quảng xưa kia là những đất rất giàu, một mặt khác cho thấy cái chế độ áp bức, bóc lột quá nặng nề mà bọn phong kiến họ Nguyễn đã đặt lên cổ nhân dân ở đảng Trong hồi thế kỉ thứ XVIII [4, t.3, tr.316]. Mặc dù trước *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn đã có *Ô Châu cận lục* của Dương Văn An viết về núi sông, thành quách, phong thổ, nhân vật của xứ Thuận Hóa, nhưng đến công trình *Phủ biên tạp lục* thì tình hình núi sông, thành quách, phong thổ, nhân vật của xứ Thuận Hóa mới được giới thiệu cụ thể, kỹ càng. *Phủ biên tạp lục* còn cho chúng ta biết khá cận kề danh số các phủ huyện, tổng, xã, thôn của xứ Thuận và xứ Quảng hồi thế kỉ thứ XVIII [4, t.3, tr.315]. Khi bàn về công trình *Phủ biên tạp lục*, nhà nghiên cứu

Nguyễn Kim Thản đã đánh giá rằng: “Nhờ có tác phẩm này, ngày nay chúng ta biết được khá tường tận xã hội xứ đàng Trong hồi thế kỉ XVIII... Ở đây, tác giả đã trình bày một cách khái quát, hệ thống hóa, những tri thức về lịch sử, địa lí tự nhiên, địa lí hành chính, địa lí kinh tế, nhân tài, thơ văn, phong tục... của biên thùy phía Nam của Nhà nước” [6, tr.710]. Như vậy, có thể nhận thấy giá trị thông tin tri thức nhiều mặt của công trình mang tính bách khoa này, cung cấp các kiến thức về địa lý, lịch sử, văn hoá của vùng Thuận Hoá và Quảng Nam vào thế kỉ XVIII một cách tương đối tổng quát.

Trong công trình *Vân đài loại ngữ*, nhà bác học Lê Quý Đôn đã đề cập đến một số lĩnh vực thuộc tự nhiên, xã hội và con người. Về tự nhiên, tác giả bàn về vấn đề của vũ trụ dựa trên nền tảng tư tưởng triết học phương Đông để sự nhìn nhận sự vật hiện tượng theo quy luật; về địa lí học, tác giả đã trình bày có hệ thống 93 điều, cung cấp những vấn đề về địa lí học một cách cụ thể; về điển lệ, chế độ tác giả đã cung cấp 120 điều, hầu hết là những vấn đề trọng yếu; về văn nghệ, sách ghi chép lại 48 điều; về ngôn từ gồm 111 điều; về thư tịch gồm 107 điều; về phép làm quan gồm 76 điều; về các phẩm vật được ghi lại với 320 điều.

Công trình *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý Đôn có thể coi là một mẫu mực trong việc ghi chép, biên soạn những sách bách khoa, mặc dù theo tên gọi của sách thì *Kiến văn tiểu lục* có nghĩa là “những điều ghi chép nhỏ về những điều tai nghe mắt thấy”, nhưng đây là công trình xứng đáng gọi là một bách khoa thư của Việt Nam [6, tr.711]. *Kiến Văn tiểu lục* là công trình đã ghi chép và lưu giữ các thông tin tri thức một cách hệ thống, việc hệ thống hóa nội

dung của sách làm 12 phần tương ứng với 12 lĩnh vực chuyên môn khác nhau được viết một cách thực chứng, chân xác về những điều mắt thấy tai nghe đã mang lại giá trị lớn về mặt tư liệu, thể hiện khả năng bao quát thông tin, diễn đạt các nội dung tri thức một cách bài bản, khoa học của tác giả. Trong các công trình bách khoa của Lê Quý Đôn, mặc dù chưa trình bày hết được tri thức của dân tộc ta, nhưng từ quan điểm lịch sử cụ thể và phát triển sẽ giúp chúng ta có sự nhìn nhận và đánh giá đúng tài năng, công sức của bộ óc bách khoa này.

Công trình *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú đã đề cập đến những vấn đề khác nhau của quốc gia, dân tộc, trong đó bao gồm nhiều tri thức mà khoa học ngày nay cần quan tâm. Về lĩnh vực địa lí học, bộ sách đề cập đến vị trí địa lí, tên gọi của quốc gia dân tộc qua các thời kì, đặc trưng phong thổ của từng vùng; về lĩnh vực sử học, bộ sách đã cung cấp thông tin tri thức về các nhân vật lịch sử của dân tộc, từ khởi nguồn cho đến tận cuối thời Lê; về lĩnh vực pháp luật bộ sách đã đề cập đến những hình luật của các vương triều; về lĩnh vực quân sự, bộ sách ghi chép lại những vấn đề liên quan đến binh pháp; về lĩnh vực giáo dục, bộ sách đề cập đến vấn đề thi cử của các vương triều; về lĩnh vực ngoại giao, bộ sách đã đề cập đến vấn đề quan hệ giữa Việt Nam với Trung Hoa... Các tri thức được ghi chép trong bộ sách có giá trị về lịch sử, còn việc phân chia môn loại và phương pháp trình bày khoa học của Phan Huy Chú cũng đã mang lại giá trị về mặt học thuật cho đời sau tiếp nhận và tham khảo: “Trong kho tàng thư tịch Việt Nam, nếu trước kia chưa có bách khoa toàn thư, thì phải nhận rằng *Lịch triều hiến chương loại chí* là bộ bách khoa toàn thư đầu tiên

của Việt Nam. *Lịch triều hiến chương loại chí* là cả một kho tài liệu cần thiết cho công tác nghiên cứu và xây dựng các khoa học xã hội” [2, tr.8].

Các công trình bách khoa truyền thống của dân tộc đã cung cấp một khối lượng tư liệu lớn về địa lí, lịch sử, văn hoá, con người Việt Nam qua các thời kỳ khác nhau, bao gồm: vị trí địa lý, các vấn đề về địa giới, lãnh thổ, địa chất, tài nguyên, động thực vật, địa lý hành chính; nhân chủng, tộc người, dân cư, hệ thống chính trị, pháp luật, quốc phòng, an ninh, ngoại giao, kinh tế, lịch sử, văn hoá, văn học nghệ thuật, ngôn ngữ, tư tưởng, tôn giáo, tín ngưỡng, giáo dục, khoa học và công nghệ, y dược, giao thông... Đó cũng chính là những vấn đề mà bách khoa toàn thư hiện đại quan tâm. Có thể nói, về mặt thông tin tri thức, các công trình bách khoa của nước ta đã trở thành vốn văn hóa quý báu của dân tộc, là nguồn tư liệu tham khảo dồi dào, đáng tin cậy cho việc tiến hành biên soạn công trình bách khoa toàn thư Việt Nam hiện nay.

6. Kết luận

Ở Việt Nam đã có một hệ thống các công trình mang tính bách khoa xuất hiện dưới các vương triều phong kiến, loại sách này đã có một trường kỳ lịch sử hình thành và phát triển, để lại những thành tựu không thể phủ nhận. Các công trình này có thông tin tri thức mang tính tổng hợp, các nội dung ghi chép về nhiều vấn đề khác nhau của quốc gia, dân tộc và địa phương. Các công trình bách khoa truyền thống của dân tộc đã ghi chép sự thật, có nghĩa là ghi chép lại mà

không sáng tác thêm, không phân biệt đối tượng tìm hiểu. Các công trình bách khoa là tài liệu giáo dục, học tập, lưu truyền từ đời này sang đời khác, làm tư liệu văn hóa quý giá của cả dân tộc, điều này có giá trị và ý nghĩa quan trọng trong việc biên soạn bách khoa toàn thư Việt Nam hiện nay, nhất là khi việc tìm kiếm các thông tin tri thức từ các nguồn tài liệu khác nhau để giúp cho việc hệ thống hoá kho tàng tư liệu đã trở nên cấp thiết, các công trình bách khoa của dân tộc không chỉ cung cấp nguồn tư liệu một cách thiết thực mà còn để lại cả quan niệm học thuật, tư tưởng chính trị, phương pháp, mô hình biên soạn. Có thể nói, truyền thống biên soạn các công trình bách khoa của dân tộc sẽ góp phần đặt nền móng cho nền bách khoa thư Việt Nam hiện đại.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Văn Cẩn (2011), *Địa chí văn hóa Việt Nam - Giáo trình dùng cho sinh viên đại học và cao đẳng các ngành văn hóa*, Nxb Lao động, Hà Nội.
- [2] Phan Huy Chú (1960), *Lịch triều hiến chương loại chí*, t.1, Nxb Sử học, Hà Nội.
- [3] Vũ Quang Hào (2005), *Kiểm kê từ điển học Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [4] Nhiều tác giả (2012), *Tổng tập Dư địa chí Việt Nam*, t.1, t.2, t.3, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
- [5] Hà Học Trạc (2004), *Lịch sử - lí luận và thực tiễn biên soạn Bách khoa toàn thư*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
- [6] Viện Ngôn ngữ học (2003), *Nguyễn Kim Thản tuyển tập*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

